TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GIÁ RAI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 151/2018/QĐST – HNGĐ	*Giá Rai, ngày 11 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 261/2018/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị M** sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp H, xã P A, thị xã G, tỉnh B

Nơi ở hiện nay: ấp HB, xã P, thị xã G, tỉnh B.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B** sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp H, xã P A, thị xã G, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Huỳnh Thị M và anh Nguyễn Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Về hôn nhân: anh B và chị M thống nhất chung sống từ năm 2012, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn số 143 quyển số 01/2014 ngày 18/11/2014 tại Ủy ban nhân dân xã P. Hai bên thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2/ Về con chung: Hai bên thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Kim T sinh ngày 31/8/2014. Chị M và anh B thống nhất tự nguyện thỏa thuận giao con

chung cho chị Huỳnh Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày hòa giải (ngày 03/7/2018) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Huỳnh Thị M trực tiếp nuôi con có quyền nhận tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ tới lui, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

2.3/ Về tài sản và nợ chung: Hai bên thống nhất không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

2.4/ Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình anh B, chị M mỗi người phải nộp 75.000đ nhưng chị M tự nguyện nộp thay án phí cho anh B; như vậy án phí chị M phải nộp là 150.000 đồng; chị đã dự nộp 300.000 đồng lai thu số 0012237 ngày 03/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai chuyển thu án phí 150.000 đồng và chị M được nhận lại 150.000 đồng. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh B phải nộp 150.000 đồng do anh B đã tự nguyện cấp dưỡng trước khi tiến hành hòa giải.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Giang Thị Cẩm Thúy